

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST

Ngày 13 tháng 02 năm 2025

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 661/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc: **“Ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 05, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Võ Đức T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn 05, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2024, bản tự khai ngày 18 tháng 10 năm 2024, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà và ông Võ Đức T tự nguyện kết hôn vào năm 1990, tổ chức cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 28 tháng 12 năm 1990. Thời gian chung sống, ông bà không có tiếng nói chung, ông T không tôn trọng ý kiến cũng như không trân trọng công sức đóng góp của bà đối với gia đình; khi bà lớn tuổi, thường hay đau ốm, mất khả năng lao động ông T không quan tâm, chăm sóc; sau đó từ năm 2017 đến nay ông T đã tách ra ăn riêng cho nên tình cảm vợ chồng, cha con trong

gia đình ngày càng xấu đi. Bản thân bà tự nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết ly hôn với ông Võ Đức T.

Về con chung: Bà và ông Võ Đức T có 04 (bốn) con chung là Võ Thị Kim L, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1991, Võ Đức T1, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1994, Võ Thị Thu H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1999 và Võ Thị Thúy D, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2001. Các con đều đã thành niên, có công việc, gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà và ông Võ Đức T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 25 tháng 10 năm 2024, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Đức T trình bày: Năm 1990, ông và bà Võ Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 28 tháng 12 năm 1990. Cuộc sống hôn nhân kéo dài mấy chục năm, ông bà nhiều lúc cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chủ yếu vợ chồng tranh cãi, lời qua tiếng lại thôi chứ không có mâu thuẫn gì lớn. Hiện tại, ông bà cũng đã lớn tuổi, ly hôn ảnh hưởng đến các con và gia đình hai bên, bản thân ông tự nhận đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chồng, người cha trong gia đình. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị H và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà Võ Thị H có 04 (bốn) con chung là Võ Thị Kim L, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1991, Võ Đức T1, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1994, Võ Thị Thu H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1999 và Võ Thị Thúy D, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2001. Các con đều trưởng thành, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông và bà Võ Thị H tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị H và ông Võ Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, thị xã P, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (nay là thành phố P, tỉnh Gia Lai) ngày 28 tháng 12 năm 1990. Hôn nhân của ông bà tuân thủ theo các Điều 5,6,7,8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, bà Võ Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Võ Đức T, bị đơn ông T cư trú trên địa bàn thành phố P nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Từ lời khai của bà Võ Thị H và ông Võ Đức T cho thấy hiện tại ông bà đã tự phân định ranh giới: không chỉ độc lập về kinh tế của bản thân, tự giải quyết đối với các quan hệ thân thích theo quy ước bên nội - bên ngoại mà riêng biệt trong cả những sinh hoạt

chung tối thiểu của vợ chồng như ăn chung mâm, ở chung phòng và đã duy trì lối sống này trong thời gian dài. Như vậy, quá trình chung sống, hôn nhân của ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn nghiêm trọng đến mức ông bà lựa chọn giải pháp sống ly thân. Thực tế, ông bà không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo đúng tình nghĩa vợ chồng và hôn nhân chỉ còn ràng buộc về mặt pháp lý.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà Võ Thị H và ông Võ Đức T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H, xử cho bà H được ly hôn với ông Võ Đức T.

Bà Võ Thị H và ông Võ Đức T thống nhất cả 04 (bốn) con chung là Võ Thị Kim L, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1991, Võ Đức T1, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1994, Võ Thị Thu H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1999 và Võ Thị Thúy D, sinh ngày 06 tháng 4 năm 2001 đều đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong cùng vụ án này.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5, 6, 7, 8, 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị H

Bà Võ Thị H được ly hôn với ông Võ Đức T

2. Về án phí: Bà Võ Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000614 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bà Võ Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Ủy ban nhân dân xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 32 ngày 28/12/1990);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA